

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2018.

V/v Tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Hưng Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lệ và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện DC, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phạm Văn N, sinh năm 1977.(Có mặt)

Trú tại: xóm 9, xã DT, huyện DC, tỉnh NA.

- Bị đơn: chị Hồ Thị Hồng L sinh năm: 1983.(Vắng mặt)

Trú tại: xóm 10, xã DT, huyện DC, tỉnh NA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Hồ Thị Hồng L kết hôn với nhau vào ngày 31/7/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện DC, tỉnh NA. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tình hiểu, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống trở nên căng thẳng. Vợ chồng đã được bố mẹ bạn bè hai bên hòa giải khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng đến giữa năm 2003 thì chị L bỏ nhà về bên

ngoại sinh sống cho đến nay. Và từ đó vợ chồng cắt đứt mối quan hệ, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Nay anh N thấy không thể tiếp tục sống chung với chị L nên anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: không có.

Về tài sản: không có.

- Đối với bị đơn chị Hồ Thị Hồng L: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và được chính quyền địa phương cung cấp như sau: Chị L sau khi kết hôn với anh N thì vợ chồng sống chung tại nhà anh N ở xóm 9, xã Diên T, huyện DC, đến khoảng giữa năm 2003 thì không sống chung với anh N mà về sống tại nhà bố mẹ chị L tại xóm 10, xã DT, huyện DC, tỉnh NA cho đến nay. Tại sổ Đăng ký thường trú HK11, quyển số 01, tờ số 41 chị L hiện Đăng ký thường trú tại xóm 10, xã DT, DC, NA. Nay chị L vẫn sinh sống tại xóm 10, xã DT, huyện DC nhưng do chị phải đi làm ăn kinh tế nên không thường xuyên có mặt tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ điều Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn anh Phạm Văn N.

Về con chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Án phí: anh Phạm Văn N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh Phạm Văn N và chị Hồ Thị Hồng L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Hồ Thị Hồng L có địa chỉ thường trú tại xóm 10, xã DT, huyện DC, tỉnh NA. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DC, tỉnh NA.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng chị Hồ Thị Hồng L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng nên vụ án thuộc trường hợp những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm d khoản 3 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự ngày 01/11/2018 Thẩm phán ra quyết định Đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn chị Hồ Thị Hồng L nhưng chị L vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn chị L nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Thị Hồng L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn N và chị Hồ Thị Hồng L kết hôn với nhau vào ngày 31/7/2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh Phạm Văn N và chị Hồ Thị Hồng L xảy ra mâu thuẫn là do anh N và chị L không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc, không quan tâm giúp đỡ nhau trong quá trình chung sống. Từ giữa năm 2003 đến nay vợ chồng anh N và chị Lam đã sống ly thân, chị Hồ Thị Hồng L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 10, xã DT để sinh sống cho đến nay. Và vợ chồng anh Năm chị L cũng cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của nguyên đơn anh Phạm Văn N.

[4] Về con chung: không có

[5] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Về án phí: anh Phạm Văn N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Hồ Thị Hồng L.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Phạm Văn N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Năm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DC theo biên lai số 000700 ngày 14/08/2018. Anh N đã nộp đủ án phí.

5. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện DC;
- Chi cục THADS huyện DC;
- UBND xã DT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bạch Hưng Thành

